

NINH THỊ SINH*

TÀI LIỆU LƯU TRỮ VỀ PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN PHÁP THUỘC: GIÁ TRỊ VÀ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN

Tóm tắt: Bài viết khẳng định tầm quan trọng của tài liệu lưu trữ đối với nghiên cứu Phật giáo ở Việt Nam giai đoạn thuộc địa. Giá trị của tài liệu lưu trữ được làm nổi bật qua việc khai thác các hồ sơ lưu trữ được bảo quản ở Việt Nam và Pháp để làm sáng tỏ một số vấn đề liên quan đến phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, tạo ra sở cứ để có những đánh giá khách quan và toàn diện về phong trào.

Từ khóa: Phật giáo, phong trào Chấn hưng, hội, tài liệu lưu trữ

Dẫn nhập

Phật giáo Việt Nam giai đoạn Pháp thuộc (1858-1945) là thời kỳ có những biến chuyển lớn và sâu sắc. Trước hết, thời kỳ này là sự xuất hiện của các tôn giáo nội sinh; tiếp theo là sự xuất hiện của các tông phái mới: Nam Tông Kinh gắn liền với vai trò của Hoà thượng Hộ Tông (1938), Phật giáo Khất sĩ gắn với vai trò của Tổ sư Minh Đăng Quang (1943). Một hiện tượng quan trọng nữa trong đời sống Phật giáo Việt Nam giai đoạn Pháp thuộc, đó là phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam, khởi đầu từ thập niên 20 của thế kỷ XX.

Đạo Cao Đài và Phật giáo Hoà Hảo là đối tượng nghiên cứu của nhiều tác giả, trong đó phải kể đến nghiên cứu của Pascal Bourdeaux (2022) với nhan đề “Bouddhism Hoà Hảo, D’un royaume l’autre: Religion et révolution au Sud Việt Nam (1935-1995)”, của Jammes Jérémy (2014) với nhan đề “Les Oracles du Cao Đài: Étude d’un mouvement religieux vietnamien et ses réseaux”. Trong công trình về Phật giáo Hoà Hảo, Pascal đã khai thác đa dạng các nguồn tài liệu lưu trữ ở Pháp (Archives Nationales d’Outre Mer, Service Historique de la

* Phòng Phật giáo và các vấn đề đương đại, Viện Trần Nhân Tông.

Ngày nhận bài: 15/6/2024; Ngày biên tập: 25/6/2024; Duyệt đăng: 23/9/2024.

Défense, Archives du Ministère des Affaires Étrangères et Européennes, Archives de la Société des Missions Étrangères de Paris, Archives d'histoire contemporaine, Centre d'histoire de Sciences Po), tại Việt Nam (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, II và III), tại Phnom Pênh (Archives Nationales du Cambodge). Công trình về đạo Cao Đài của Jammes Jérémy đã khai thác nguồn tư liệu phong phú, nhưng hoàn toàn vắng bóng tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa (Jammes Jérémy: 2014, 554-582). Liên quan đến Phật giáo Khất sĩ Việt Nam, vẫn còn ít các công trình đề cập đến, đáng kể có công trình của Thích Hạnh Thành “Tìm hiểu Phật giáo Khất sĩ ở Nam bộ Việt Nam (trong thế kỷ XX)”. Tác giả đã tham khảo 31 tài liệu, tuy nhiên, đáng tiếc không hề có tài liệu lưu trữ (Thích Hạnh Thành, 2007). Tương tự như vậy, số lượng các công trình nghiên cứu về Phật giáo Nam Tông Kinh cũng khá ít ỏi, trong đó phải kể đến “Phật giáo Nam Tông kinh Việt Nam (1938-1963)” của Thiện Hậu. Trong công trình này, tác giả đã bước đầu khai thác tài liệu lưu trữ ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III và đặt ở phần Phụ lục (Thiện Hậu, 2017). Liên quan đến phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, trong những năm gần đây có hàng loạt các nghiên cứu. Ở nước ngoài có thể kể đến Ngô Đức Hoàng với luận án “Building a New House for the Buddha: Buddhist Social Engagement and Revival in Vietnam, 1927-1951” (Ngô Đức Hoàng, 2015), Nguyễn Thị Minh “Buddhist Monastic Education and Regional Revival Movements in Early Twentieth Century Vietnam” (Nguyễn Thị Minh, 2007). Ở trong nước có thể kể đến công trình của Dương Thanh Mừng “Phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung Việt Nam (1932-1951)” (Dương Thanh Mừng, 2018), “Phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam Việt Nam” (Dương Thanh Mừng, 2022), Lê Tâm Đắc “Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)” (Lê Tâm Đắc, 2010), công trình của Ninh Thị Sinh “Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ: Trường hợp Hội Phật giáo (1934-1945)” (Ninh Thị Sinh, 2020). Trong các công trình kể trên, đã khai thác được nhiều tài liệu quý hiếm, trong đó có tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa. Đáng chú ý, công trình nghiên cứu của Ninh Thị Sinh đã khai thác được đa dạng các tài liệu lưu trữ bằng tiếng Pháp của chính quyền thuộc địa trong các trung tâm lưu trữ ở cả Việt Nam và Pháp.

Mặc dù tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa đã được khai thác ở những mức độ khác nhau trong các nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc, nhưng chưa hề có một bài viết mang tính chuyên sâu về loại tài liệu này trong nghiên cứu Phật giáo. Xuất phát từ thực tế đó cũng như kinh nghiệm khai thác tài liệu lưu trữ phục vụ nghiên cứu Phật giáo, tác giả sử dụng cách tiếp cận và khai thác tài liệu lưu trữ, nhằm giới thiệu tới đông đảo các nhà nghiên cứu. Trong phạm vi bài viết chúng tôi sẽ tập trung vào hai nội dung chính: giới thiệu một số trung tâm lưu trữ và phong lưu trữ về Phật giáo Việt Nam, sau đó phân tích một số hồ sơ liên quan đến phong trào Chân hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn Pháp thuộc để làm sáng tỏ vai trò của loại tư liệu này.

1. Một số trung tâm và phong tài liệu lưu trữ về Phật giáo Việt Nam tại Việt Nam và Pháp

Trung tâm đầu tiên cần kể đến đó là Kho lưu trữ Hải ngoại Pháp (Archives nationales d'outremer - ANOM) ở thành phố Aix - en - Provence, miền Nam nước Pháp, là một trong những Lưu trữ Quốc gia lớn của nước Pháp. Trung tâm gồm có ba khu tài liệu chính, gồm: Tài liệu của Bộ Thuộc địa và Bộ Pháp quốc Hải ngoại. Tài liệu đưa từ các thuộc địa về và Các tài liệu khác. Tài liệu về Đông Dương và Việt Nam nằm trong khối tài liệu đưa từ các thuộc địa về. Nội dung phong phú, gồm có một số phong lớn và quan trọng, như: Phủ Đô Đốc và Thống đốc (Fonds des Amiraux et Gouverneurs), Phủ Toàn quyền Đông Dương (Fonds du Gouvernement général de l'Indochine), Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (Fonds de la Résidence supérieure au Tonkin), Cao uỷ Đông Dương (Fonds du Haut Commissariat de l'Indochine). Tài liệu về Phật giáo Việt Nam giai đoạn thuộc địa tập trung ở *Phông Phủ Toàn quyền Đông Dương* (fonds du Gouvernement gnral dellndochine), série F và *Phông Phủ Thống sứ Bắc kỳ* (fonds de la Rsidence suprieure au Tonkin- nouveau fonds). Có thể kể tới một số hồ sơ như 53651 - Note sur le Bouddhism, 65539 - Bouddhisme, diverses sects 1928-1938, 65540 - Bouddhism, Phật giáo hội, 1934-1939, 00699 - Notices sur les mouvements des differentes sectes religieuses au Tonkin, 2405 - Notices individuelles sur les chefs de pagodes, 05421-Pagode Co Le

(Nam Dinh), Fonte d'un cloche (1939), 05429 - Requête du bonze "Bui Manh Chi" dit "Thanh Gian" de la pagoda "Quan Sui" à Hanoi, demandant à s'engager comme prêtre bouddhique pour assister moralement les combattants en France (1939).

Tại Việt Nam, có ba Trung tâm Lưu trữ quốc gia bảo quản tài liệu về Phật giáo Việt Nam giai đoạn Pháp thuộc, gồm: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II (Tp. HCM) và Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV (Đà Lạt).

Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, hiện đang bảo quản các khối tài liệu lưu trữ sau: Khối tài liệu lưu trữ Hán Nôm; Khối tài liệu lưu trữ tiếng Pháp và khối tư liệu lưu trữ khác. Tài liệu về Phật giáo tập trung trong hai phong chính: *Phông Phủ Thống sứ Bắc kỳ* (fonds de la Résidence supérieure au Tonkin) và *Phông Tòa Đốc lý Hà Nội* (fonds de la Mairie de Hanoi avant 1945). Ngoài ra, ở Phong Sở địa chính và Công thổ Hanoi (fonds du Service du Cadastre et des Domaines de Hanoi), và phong Tòa sứ các tỉnh chúng ta cũng có thể tìm thấy các tài liệu liên quan. Có thể kể tới một số hồ sơ liên quan đến Phật giáo như 79784-Fondation de l'Association bouddhique du Tonkin de 1934 à 1939 (28/8/1934-6/10/1939), 79784-01- Fondation de l'Association bouddhique du Tonkin de 1940 à 1945 (26/5/1940-20/7/1945), 79255 - Demande d'autorisation de fonder une association pour les Études bouddhiques formulée par Nguyen Gia Huy, Directeur de la revue agricole "Than nong bao" en 1932 (14/3/1932-19/4/1932), 79255-01- Demande d'autorisation de fonder une association bouddhique du Tonkin formulée par Vu Dinh Chung, 81175 - Demande de brevet formulée par le bonze de la pagode Hung Long (Ninhbinh) (14/3/1926-22/12/1926), 78937 - Proposition pour le titre de Hoa thuong en faveur de bonze Nguyen Thanh Thinh de la pagode de Phuc An (Ninh Binh) (10/2/1930-6/11/1930), 72158 - Demande de faire de la propaganda pour la revue Bouddhique "Tiếng chuông sớm" formulée par le Directeur de la Revue (1935-1936), 2721 - Fonctionnement de la Société dite "Phật giáo hội".

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, quản lý tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức và cá nhân, trong đó có

khối tài liệu thời kỳ Pháp thuộc xứ Trung kỳ. Tài liệu về Phật giáo nằm trong Phong Thống đốc Nam kỳ (Goucoch). Có thể kể tới một số hồ sơ như D62-432 - Bản dịch điều lệ về hiệp hội Phật giáo hội HC năm 1928; D9-58- Nghiên cứu Phật học hội và bảo tồn tôn giáo tại Nam Việt năm 1931-1944; D9-56 - Hội Nam Việt nghiên cứu Phật học năm 1940; D62-95 - Hồ sơ về việc thành lập Hiệp hội chùa Hưng Long năm 1944; D62-92- Hồ sơ thành lập Hội Phật giáo Thiên Long Tự năm 1936. Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, tài liệu về Phật giáo nằm ở phòng Toà Khâm sứ Trung kỳ (1878-1945).

Trên đây là một số thông tin mang tính chất chỉ dẫn và gợi mở để các nhà nghiên cứu nếu lựa chọn một vấn đề nào đó của lịch sử Việt Nam cận đại nói chung và Phật giáo Việt Nam cận đại nói riêng cần chú ý khai thác thêm tài liệu lưu trữ. Việc tiếp cận tài liệu lưu trữ là một công việc đòi hỏi phải đầu tư nhiều thời gian và công sức vì đặc thù của loại tài liệu này. Bởi, đôi khi, tài liệu cần tìm không hẳn là một hồ sơ đã được cán bộ lưu trữ sắp xếp mà có thể chỉ là một trang, thậm chí một vài dòng trong một tài liệu hoặc báo cáo của chính quyền thuộc địa, của các cơ quan của chính quyền, và không nằm trong các phong quen thuộc. Với đặc điểm như vậy, nhà nghiên cứu cần tìm sâu và tìm rộng để lấy được tối đa các thông tin cần tìm.

2. Giá trị của tài liệu lưu trữ khi nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam giai đoạn Pháp thuộc (1858-1945)

Thứ nhất, khi phân tích giá trị của tài liệu lưu trữ về Chấn hưng Phật giáo Việt Nam, thiết nghĩ cần có đôi dòng giới thiệu về phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX. Các nghiên cứu đều thống nhất rằng, phong trào Chấn hưng trải qua hai giai đoạn: vận động và thực hành. Giai đoạn vận động diễn ra vào những năm 20 của thế kỷ XX, và giai đoạn thực hành gắn liền với sự ra đời của các Hội Phật học/Phật giáo. Nam kỳ là nơi khởi đầu và Hoà thượng Khánh Hoà là vị tổ mở đầu. Phong trào đạt được địa vị hợp pháp khi Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học đạt được giấy phép thành lập vào năm 1931. Sau đó, các hội Phật học/Phật giáo khác lần lượt ra đời ở Trung kỳ, Bắc kỳ, trong đó cần phải kể tới An Nam Phật học hội (1932) ở Trung kỳ, Hội Phật giáo Bắc kỳ (1934), Lương Xuyên Phật

học hội (Nam kỳ, 1934). Trong quá trình tồn tại, các hội đã tiến hành nhiều hoạt động chấn hưng, như xuất bản báo chí để phổ biến giáo lý đạo Phật tới công chúng, mở trường đào tạo tăng tài, tổ chức các lễ Phật giáo, cải cách nghi thức và đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Đến năm 1945, khi Việt Nam giành được độc lập, các hội này đổi tên và thay đổi Điều lệ hoạt động.

Đối với phong trào Chấn hưng, các công trình nghiên cứu kể trên đã khai thác đa dạng nhiều nguồn tài liệu, trong đó có tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa. Tuy vậy, giải thích tường tận từng loại, cũng như phân tích giá trị của loại tài liệu này đối với nghiên cứu Phật giáo Việt Nam giai đoạn Pháp thuộc dường như chưa được chú ý.

Tài liệu lưu trữ về Phật giáo Việt Nam trước hết gồm các văn bản quy phạm pháp luật: Sắc lệnh (Décret), Nghị định (Arrêté), Quyết định (Décision), Chỉ thị. Các văn bản này cho chúng ta biết chủ trương của chính quyền về một vấn đề nào đó. Liên quan đến phong trào Chấn hưng Phật giáo, có thể kể tới một số văn bản như: Nghị định ngày 06/11/1934, số 4283-A, Thống sứ Bắc kỳ Tholance, cho phép Hội Phật giáo thành lập, Nghị định ngày 29/4/1936, Toàn quyền Đông Dương René Robin, công nhận tư cách pháp nhân của Hội Phật giáo Bắc kỳ, Nghị định ngày 09/7/1943, công nhận tư cách pháp nhân của Nam kỳ Nghiên cứu Phật học hội,... Các văn bản này cho phép xác định chính xác thời điểm ra đời của các hội Phật giáo/Phật học cũng như cho biết tính chất của các hội này, là các hội thế tục (association laïque). Các văn bản này, có thể vì lý do nào đó, không tìm thấy trong tài liệu lưu trữ, nhưng nhà nghiên cứu có thể tìm trong Công báo Đông Dương (Journal officiel de l'Indochine française).

Thứ hai, tài liệu lưu trữ là các hồ sơ lưu trữ mang lại nhiều giá trị cho các nhà nghiên cứu.

Trước hết, tài liệu lưu trữ giúp nhà nghiên cứu rút ra được những nhận thức quan trọng liên quan đến tu sĩ cũng như lý giải được nguyên nhân dẫn đến sự kết hợp giữa tu sĩ và cư sĩ trong quá trình thực hiện chấn hưng. Có thể thấy điều này qua quá trình vận động thành lập hội Phật giáo của Hoà thượng Khánh Hoà. Liên quan đến quá trình này có các hồ sơ D.62/432 và D9.56/58 (Phông Phủ Thống đốc Nam kỳ,

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam), hồ sơ 65539 (Phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương), hồ sơ 227 (Phòng Phủ Thống sứ Cao Miên), Kho Lưu trữ Hải ngoại Pháp (ANOM, Aix-en-Provence). Nghiên cứu tỉ mỉ các hồ sơ này, chúng tôi được biết, Hoà thượng Khánh Hoà đã hai lần đệ trình hồ sơ xin phép lập hội Phật giáo vào tháng 12/1927 và tháng 4/1928, nhưng cả hai lần đều không thành công. Lần thứ nhất bị từ chối, vì hồ sơ xin lập hội vừa thừa vừa thiếu. Theo quy định của chính quyền thời đó, hồ sơ xin phép lập hội gồm: đơn, dự thảo điều lệ, danh sách Ban Trị sự tạm thời. Trong đó, đơn phải có chữ ký của người đứng đơn, cũng như vậy, danh sách Ban Trị sự tạm thời phải có thông tin gồm họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ và có chữ ký của các thành viên trong ban. Trong khi đó, hồ sơ xin phép lập hội Phật giáo năm 1927 của Hoà thượng Khánh Hoà gồm có: Đơn xin thành lập hội, dự thảo điều lệ, Bản khai mục đích lập hội Phật giáo và đơn xin xuất bản tạp chí Từ Bi Âm. Đối chiếu hồ sơ xin phép lập hội Phật giáo của Hoà thượng Khánh Hoà với quy định của chính quyền, rõ ràng hồ sơ này không đáp ứng yêu cầu. Đó là còn chưa kể đến nội dung Điều lệ chưa chặt chẽ, và không đúng quy định. Tiếp đó, đến ngày 01/4/1928, Hoà thượng Khánh Hoà đã cùng một số vị tu sĩ và cư sĩ tu chỉnh lại Dự thảo Điều lệ năm 1927 và tiếp tục đệ trình hồ sơ. Tuy nhiên, lần thứ hai này cũng không thành công, vì nội dung hồ sơ chưa chặt chẽ và lai lịch một số vị trong Ban Trị sự “có vấn đề”. Sau đó, Hoà thượng Khánh Hoà chuyển sang hợp tác cùng ông Trần Nguyên Chấn, làm việc tại Sở Đốc lý Sài Gòn. Sau đó, quá trình đệ trình hồ sơ xin phép do ông Trần Nguyên Chấn đứng đơn. Đến ngày 26/8/1931 Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học hội chính thức được thành lập.

Nghiên cứu quá trình xin phép lập hội của Hoà thượng Khánh Hoà giúp rút ra được một nhận thức quan trọng: đó là hiểu biết về thủ tục hành chính của các tu sĩ thời đó còn hạn chế, và đó cũng là một trong những lý do đưa đến sự hợp tác giữa tu sĩ và cư sĩ trong quá trình lập hội cũng như tiến hành chấn hưng Phật giáo sau này.

Tiếp theo, nghiên cứu các hồ sơ lưu trữ sẽ cho phép nhà nghiên cứu biết được quá trình để ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền, từ đó, phát hiện ra nhiều “uẩn khúc”. Đối với giá trị này, nhà nghiên cứu khó tìm được ở một loại tài liệu khác ngoài tài liệu lưu

trữ. Có thể thấy điều này qua việc phác họa những nét chính về quá trình vận động phía sau Nghị định thành lập Hội Phật giáo ngày 06/11/1934 số 4283-A, ký bởi Thống sứ Bắc kỳ Tholance qua nghiên cứu hồ sơ 79784 phong Phủ Thống sứ Bắc kỳ (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I).

Ngày 26/8/1934 tại Hà Nội, Ban Trị sự tạm thời đã soạn bản dự thảo Điều lệ gồm có 19 khoản. Nội dung quy định cụ thể về các vấn đề như tên hội - hội quán, mục đích của hội, hội viên trong hội, thôi hội - ra khỏi hội, sự nghiêm cấm, sự liên lạc của các hội viên, sự quản trị, chức vụ ban quản trị, ban chứng minh đạo sư, đại hội đồng, tài sản, số tiền trữ trong quỹ, tập kỷ yếu, sổ sách, Điều lệ riêng. Ngày 28/8/1934, ông Nguyễn Năng Quốc, với tư cách là hội trưởng, thay mặt Ban Trị sự tạm thời đệ trình hồ sơ lên Thống sứ Bắc kỳ gồm *Đơn xin thành lập, dự thảo Điều lệ và Danh sách Ban Trị sự tạm thời* (có chín cư sĩ, bao gồm một chánh hội trưởng, hai phó hội trưởng, một chánh thư ký, một phó thư ký, một vị thủ quỹ, một vị quản lý và hai vị giám thị). Cụ thể, danh sách Ban Trị sự tạm thời gồm các vị sau: Nguyễn Năng Quốc, Tổng đốc trí sĩ - Chánh hội trưởng, Nguyễn Văn Ngọc, Đốc học Hà Đông - Phó Hội trưởng, Nguyễn Quốc Thành, Tham tá thương chính (Hà Nội) - Phó hội trưởng, Trần Văn Phúc, Tham tá phủ Toàn quyền - Chánh thư ký; Nguyễn Văn Minh, Phán sự thương chính - Phó thư ký; Dương Tụ (Tự) Quán, chủ nhà in Đông Tây, chủ nhiệm Văn học tạp chí - Chánh thủ quỹ; Lê Du, phiên dịch phủ Toàn quyền - Quản lý; Cung Đình Bính, Tham tá thương chính hưu trí - Giám thị; Trần Văn Giáp, Tham tá trường Viễn đông Bác Cổ - Giám thị.

Hồ sơ này được chuyển đến sở mật thám để điều tra. Kết quả điều tra của mật thám ngày 11/10/1934 cho biết: phần lớn các thành viên trong Ban quản trị tạm thời là những người có địa vị, có thể lực cũng như hiểu biết về đạo Phật. Đặc biệt, sự hiện diện của Trần Văn Giáp được mật thám đánh giá rất cao vì ông là tác giả của một nghiên cứu về đạo Phật với tựa đề “Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ XIII” (Le Bouddhisme en Annam: des origines au XIII^e siècle)¹.

Tuy nhiên, phía mật thám cũng đặt câu hỏi về sự hiện diện của ông Dương Tụ (Tự) Quán trong Ban Quản trị tạm thời, “Dương Tụ Quán, chủ

nhà in Đông Tây, đồng thời là chủ nhiệm của tạp chí Văn học, Khoa học và Nghệ thuật. Nhà in Đông Tây đã xuất bản nhiều cuốn sách mỏng, những cuốn này đã bị cấm vì tính chất lật đổ chính quyền. Mặt khác, Dương Tụ Quán đã bị xử phạt ngày 17 tháng 3 năm 1932 bởi tòa án tiểu hình Hải Phòng số tiền 16 phăng vì đã tiếp tay cho sự vi phạm những thuần phong mỹ tục” [Trung tâm lưu trữ quốc gia 1, RST, 79784].

Ngày 26/10/1934, ông Nguyễn Năng Quốc được mời lên Phủ thống sứ. Chúng ta không biết cuộc gặp gỡ này thảo luận về vấn đề gì, tuy nhiên, trong bức thư đề ngày 01/11/1934 được Nguyễn Năng Quốc gửi cho Thống sứ Bắc kỳ, ông thông báo về việc thay vị trí thủ quỹ của Dương Tụ Quán trong Ban Quản trị tạm thời. Người được chọn là ông Phạm Mạnh Xứng, hiệu Đông Phó, anh (em) của tổng đốc Phạm Gia Thụy. Sau sự thay đổi nhân sự này, hồ sơ xin phép lập Hội Phật giáo Bắc kỳ dường như đã “sạch”. Kết quả là, ngày 06/11/1934, Hội Phật giáo Bắc kỳ chính thức có được giấy phép thành lập của chính quyền thuộc địa theo Nghị định số 4283-A ký bởi Thống sứ Bắc kỳ Tholance. Có thể thấy rằng, việc ông Nguyễn Năng Quốc, Tổng đốc trí thay mặt Ban trị sự tạm thời đệ trình hồ sơ và việc thay ông Dương Tụ Quán trong Ban Trị sự tạm thời là các nhân tố đảm bảo sự tin tưởng của chính quyền bảo hộ đối với việc cho phép thành lập Hội Phật giáo năm 1934.

Tiếp theo, nghiên cứu hồ sơ lưu trữ còn cho phép nhà nghiên cứu nhận dạng và xác lập mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng. Giá trị này sẽ được làm sáng tỏ qua việc nhận dạng *Bắc kỳ Phật giáo lục hòa hội* và xác định mối quan hệ này với *Hội Phật giáo Bắc kỳ*. *Bắc kỳ Phật giáo lục hòa hội* chỉ được đề cập trong vài dòng ngắn ngủi trong *Hội ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam* của nhà sư Trí Hải, một nhân vật tiêu biểu của phong trào Chấn hưng Phật giáo trên đất Bắc “Chúng tôi kiên trì đi lại vận động, chờ đợi mãi mà vẫn không thấy tia hy vọng nào. Cuối năm 1932 chúng tôi cương quyết tiến hành, bèn họp nhau tại nhà ông Vũ Đình Chung, cùng ký tên vào bản điều lệ để xin phép và bầu ông Chung làm Hội trưởng...” [Trí Hải, 2016: 22]. Trong khi đó, ở các trung tâm lưu trữ chúng tôi tìm thấy ba hồ sơ liên quan đến *Bắc kỳ Phật giáo Lục hòa hội*, gồm hồ sơ 2722, phong Tòa đốc lý Hà Nội; hồ sơ 79255-01, phong Phủ Thống sứ Bắc kỳ (TTLT Quốc gia I), và hồ sơ

65539, phong phủ Toàn quyền Đông Dương (ANOM). Ba hồ sơ này cung cấp các thông tin về *Bắc kỳ Phật giáo lục hòa hội* như sau: Ngày 01/11/1932, Ban Trị sự tạm thời đã soạn thảo bản Dự thảo điều lệ hội gồm 12 chương, 66 điều. Trong bản dự thảo Điều lệ có các chữ ký của thành viên ban trị sự gồm cả tăng sĩ và cư sĩ. Ngày 14/11/1932 các ông Vũ Đình Chung, Lê Toại, Trần Văn Giáp thay mặt Ban Trị sự tạm thời làm đơn gửi lên Thống sứ Bắc kỳ để xin thành lập Hội. Hồ sơ gửi lên Thống sứ gồm có Dự thảo Điều lệ, Đơn xin thành lập và Danh sách Ban trị sự tạm thời (16 thành viên, trong đó một nửa là sư tăng và một nửa là cư sĩ, do hòa thượng Nguyễn Văn Át làm Hội trưởng, ông Vũ Đình Chung giữ chức Phó Hội trưởng). Theo quy định, hồ sơ này đã được chuyển đến sở cảnh sát để điều tra. Ngày 03/02/1933 sau khi tiến hành điều tra, cảnh sát không đồng ý cho *Bắc kỳ Phật giáo lục hòa hội* thành lập với lý do sau: một số thành viên trong Ban Trị sự không đủ uy tín đối với chính quyền; mục đích của *Bắc kỳ Phật giáo lục hòa hội* có “nhiều điểm khác thường” mặc dù học tập theo mô hình hội Chấn hưng ở Trung kỳ; cuối cùng, chính quyền thuộc địa cho rằng, sự ra đời của các Hội Phật giáo ở Nam kỳ và Campuchia là cần thiết để chống lại sự bành trướng của đạo Cao Đài, nhưng một hội Phật giáo ở Bắc kỳ thì dường như vẫn chưa thực sự cần thiết.

Vấn đề đặt ra là, *Bắc kỳ Phật giáo lục hòa hội* (1932) có vai trò gì đối với sự ra đời của *Hội Phật giáo Bắc kỳ* (1934) hay không? Nghiên cứu tỉ mỉ các hồ sơ lưu trữ về quá trình thành lập Hội Phật giáo Bắc kỳ kết hợp với các nguồn tài liệu khác về chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc đã cho chúng tôi tìm thấy mối liên hệ giữa *Bắc kỳ Phật giáo lục hòa hội* và *Hội Phật giáo Bắc kỳ*. Tham gia sáng lập Hội Phật giáo Bắc kỳ (1934) có 32 hội viên, trong đó, có nhiều gương mặt từng được bầu vào Ban Trị sự *Bắc kỳ Phật giáo lục hòa hội*, cụ thể, về phía cư sĩ có các ông Lê Toại, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Canh, về phía tăng sĩ là các sư như Trung Hậu, Trí Hải, Thái Hòa, Vũ Đình Ứng. Rõ ràng, với sự góp mặt của nhiều gương mặt cũ trong một hội mới sẽ có một sự rút kinh nghiệm sâu sắc. Đặc biệt, chính sự thất bại của *Bắc kỳ Phật giáo lục hòa hội* đã để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho những người chủ trương sáng lập Hội Phật giáo Bắc kỳ trong quá trình chuẩn bị hồ sơ,

soạn thảo điều lệ, lựa chọn nhân sự tham gia Ban quản trị tạm thời và bầu chánh hội trưởng. Chẳng hạn, để chuẩn bị cho việc xin phép thành lập Hội Phật giáo Bắc kỳ, khi bàn đến vấn đề bầu chánh hội trưởng tạm thời, các ý kiến đều thống nhất ở quan điểm: phải là người có địa vị và phải được “người Pháp tin” [Trí Hải, 2016: 30]. Hay như khi so sánh Dự thảo Điều lệ *Bắc kỳ Phật giáo lục hoà hội* với Dự thảo Điều lệ của *Hội Phật giáo Bắc kỳ*, chúng tôi nhận thấy, những mục đích của Hội Phật giáo Bắc kỳ được trình bày ngắn gọn, rõ ràng và trong khuôn khổ tôn giáo. Từ những phân tích ở trên, có thể coi *Bắc kỳ Phật giáo lục hoà hội* chính là bước tập dượt cho sự thành lập Hội Phật giáo năm 1934 vậy. Từ đó cho phép chúng tôi thiết lập thứ tự các tổ chức được thành lập trong quá trình vận động chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ như sau: Bắc kỳ Phật giáo lục hoà hội (1932) - Phật học tùng thư (1933) - Hội Phật giáo Bắc kỳ (1934) thay vì Lục hoà tịnh lữ (1924-1929) - Phật học tùng thư (1933) - Hội Phật giáo Bắc kỳ (1934) [Lê Tâm Đắc, 2010: 47-52].

Một thông tin giá trị khác về phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ mà các hồ sơ lưu trữ mang lại, đó là trong thực tế, việc Chấn hưng Phật giáo không nhận được sự ủng hộ của một bộ phận chư tăng. Điều này thể hiện qua mối quan hệ cạnh tranh giữa *Bắc kỳ Phật giáo cổ sơn môn* và *Hội Phật giáo Bắc kỳ*. Các hồ sơ 79784, phong Thông sứ Bắc kỳ, 677 phong Địa chính Hà Nội, 2692 phong Đốc lý Hà Nội (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I), hồ sơ 65540 phong Toàn quyền Đông Dương (Kho lưu trữ Hải ngoại Pháp) cho biết Hội Phật giáo đã gặp sự phản ứng và cạnh tranh từ *Bắc kỳ Phật giáo cổ sơn môn*. Theo bức thư sư Đinh Xuân Lạc, người tự nhận là *Tăng trưởng Bắc kỳ Phật giáo cổ sơn môn* gửi cho chính quyền thuộc địa, chúng tôi được biết “Bắc kỳ Phật giáo cổ sơn môn nghĩa đen “sơn môn cổ ở Bắc kỳ” và “Tăng già” trong tiếng Phạn, không có tính cách dân sự, chỉ là một cộng đồng tăng già tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và quy tắc thiêng liêng của Phật Tổ, người sáng lập tôn giáo từ thời cổ đại cho đến ngày nay. Do đó, đoàn thể tôn giáo của chúng tôi là một cơ quan từ xưa đã được các triều đại phong kiến cũng như triều đình Huế và chính quyền Bảo hộ công nhận. Sự thừa nhận này được thể hiện trong việc ban tặng danh hiệu *Tăng Cang* cho một trong những chư tăng tại chùa Bà Đá, sơn môn chính

trong *Bắc kỳ Phật giáo cổ sơn môn*. Để thuận lợi cho việc hoàng dương Phật pháp, Bắc kỳ cổ sơn môn chia thành hai nhánh chính, *sơn môn Hòa Giai* và *sơn môn Bà Đá*. Tất cả các chùa ở Bắc kỳ đều thuộc về một trong hai sơn môn đó và hàng năm tất cả các sư tăng về đây để được chỉ dạy giáo lý đạo Phật trong ba tháng hè, gọi là Học hạ” [Trung tâm lưu trữ quốc gia 1, RST, 79784]. Tiếp theo, có hai bức thư của sư Đình Xuân Lạc, lấy tư cách Tăng trưởng *Bắc kỳ Phật giáo cổ sơn môn*, gửi tới chính quyền thuộc địa [Trung tâm lưu trữ quốc gia 1, RST, 79784] nhằm cáo buộc Hội Phật giáo đã tạo ra những xáo trộn trong đời sống tôn giáo ở Bắc kỳ. Bức thư đầu được soạn bằng tiếng Pháp, dài năm trang, liên quan đến “*lễ quy*” ở chùa Cảm Ứng, Sơn Tây ngày 26/9 Âm lịch, tức ngày 23/10/1935, có đoạn viết “cách đây một thời gian, kể từ khi Hội Phật giáo được thành lập, đã gây nên những xáo trộn trong Tăng già. Thực vậy, hội này là một tổ chức được lãnh đạo bởi một nhóm người tự nhận là tín đồ đạo Phật, lấy cơ cạnh tranh Phật giáo, họ có tư tưởng trục lợi. Để đạt được số lượng lớn hội viên và một nguồn tài chính đáng kể, họ đã cầu đến ban quản trị, thậm chí sử dụng tất cả các mưu mô và thủ đoạn để mở rộng ảnh hưởng. Bởi lý do này, một số nhà sư, vì lợi ích cá nhân, hoặc vì quyền lực đã đi ngược lại với nguyên tắc căn bản của đạo Phật mà gia nhập hội này” [Trung tâm lưu trữ quốc gia 1, RST, 79784]. Bức thư thứ hai, bằng tiếng Pháp, kèm theo hai bằng chứng tiếng Việt vẫn được ký bởi sư cụ Đình Xuân Lạc, thái độ chống lại Hội Phật giáo thậm chí còn được thể hiện rõ nét hơn: “Kể từ khi thành lập, Hội Phật giáo đã liên tục gây chiến với tất cả các sơn môn từ chối gia nhập hội, đặc biệt hơn là với chùa Bà Đá, trung tâm quan trọng của Phật giáo Bắc kỳ. Hội này là một hội thế tục với mục đích nghiên cứu Phật giáo theo Điều lệ của họ. Nhưng không bằng lòng với phạm vi hoạt động của mình, hội muốn thôn tính tất cả các sơn môn và đặt các sơn môn dưới sự quản trị của mình, thậm chí cả về mặt quan điểm tôn giáo” [Trung tâm lưu trữ quốc gia 1, RST, 79784].

Trong một ghi chép “mật”, Sở Mật thám cho rằng *Tiếng chuông sớm* được hiểu như là công cụ của *Bắc kỳ cổ sơn môn* nhằm chống lại Hội Phật giáo: “Theo các thông tin được chuyển tới cơ quan Mật thám, sư Đỗ Văn Hỷ, trụ trì chùa Linh Quang, Hà Nội, phố Nhà Thờ,

đã xin phép xuất bản tạp chí “Tiếng chuông sớm” để chống lại Hội Phật giáo, hội này đề xuất đặt các tín đồ đạo Phật dưới một sự lãnh đạo duy nhất. Nếu mục tiêu này đạt được, thì những ảnh hưởng của sư Đỗ Văn Hỷ đối với tín đồ đạo Phật sẽ bị suy giảm đáng kể.”².

Tuy vậy, tạp chí này chỉ tồn tại được khoảng một năm (15/6/1935 đến 21/5/1936, được 24 số tất thảy). Sau đó, phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ quy về Hội Phật giáo Bắc kỳ.

Kết luận

Với những nội dung được trình bày phía trên, phần kết luận được tóm gọn lại trong các ý như sau: *Thứ nhất*, Phật giáo Việt Nam giai đoạn cận đại còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu, trong đó cần coi trọng việc khai thác tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa để phục vụ các nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam giai đoạn cận đại. Xin nhắc lại, các công trình về Phật giáo Nam Tông Kinh, Phật giáo Khất sĩ, hoàn toàn vắng bóng tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa. *Thứ hai*, tài liệu lưu trữ bằng tiếng Pháp có một tầm quan trọng đặc biệt khi nghiên cứu về các vấn đề lịch sử Việt Nam cận đại, trong đó có Phật giáo. Không chỉ giúp nhà nghiên cứu biết được chủ trương của chính quyền mà còn thấy được quá trình đi đến chủ trương đó. Nhờ vậy, nhà nghiên cứu sẽ phát hiện ra những “bí ẩn” phía sau các văn bản quy phạm pháp luật, giúp lý giải các câu hỏi tại sao trong nghiên cứu. Nhờ khai thác tài liệu lưu trữ, nhà nghiên cứu sẽ có thêm những gợi mở, định hướng nghiên cứu mới./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nghiên cứu này được ông Trần Văn Giáp bảo vệ thành công ở Pháp năm 1930, sau đó được đăng trên tạp chí của Trường Viễn Đông Bác Cổ năm 1932.
- 2 ANOM, GGI, 65540.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Tâm Đắc (2010), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
2. Trí Hải (2016), *Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Thiện Hậu (2017), *Phật giáo Nam Tông kinh Việt Nam (1938-1963)*, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Ngô Đức Hoàng (2015), *Building a New House for the Buddha: Buddhist Social Engagement and Revival in Vietnam, 1927-1951*, University of Washington, USA.
5. Jammes Jérémy (2014), *Les oracles du Cao Đài: étude d'un mouvement religieux vietnamien et ses réseaux*, Les Indes savantes, Paris.
6. Nguyễn Thị Minh (2007), *Buddhist Monastic Education and Regional Revival Movements in Early Twentieth Century Vietnam*, University of Wisconsin-Madison, USA.
7. Dương Thanh Mừng (2018), *Phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung Việt Nam (1932-1951)*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
8. Dương Thanh Mừng (2022), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo miền Nam Việt Nam*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
9. Pascal Bourdeaux (2022), *Bouddhisme Hoà Hào, d'un royaume l'autre: Religion et révolution au Sud Việt Nam (1935-1995)*, Les Indes savantes, Paris, 2022.
10. Ninh Thị Sinh (2020), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ: Trường hợp Hội Phật giáo (1934-1945)*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Thích Hạnh Thành (2007), *Tìm hiểu Phật giáo Khất sĩ Nam bộ Việt Nam (trong thế kỷ XX)*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
12. <https://archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu/vai-net-ve-luu-tru-quoc-gia-hai-ngoai-cua-nuoc-cong-hoa-phap.htm>. Truy cập ngày 14/6/2024.
13. <http://luutruquocgia1.org.vn/cac-khoi-tai-lieu-luu-tru/khoi-tai-lieu-luu-tru-tieng-phap>. Truy cập ngày 14/6/2024.

Abstract

ARCHIVES ON BUDDHISM IN VIETNAM DURING THE FRENCH COLONIAL PERIOD: VALUE AND ACCESSIBILITY

Ninh Thi Sinh

*Department of Buddhism and Contemporary Issues,
Tran Nhan Tong Institute*

The article emphasizes the significance of archival documents in studying Buddhism in Vietnam during the colonial period. It highlights the value of archival records from Vietnam and France in clarifying aspects of the Vietnamese Buddhist Revival movement in the early 20th century. This helps in making objective and comprehensive assessments of the movement.

Keywords: Buddhism, revival, archival document, Vietnam, France